

NHU CẦU VỀ CON Ở NÔNG THÔN BẮC BỘ

PHẠM TỐ CHÂU

Không phải lúc nào và ở đâu nhu cầu về con của mỗi người cũng sẽ quyết định số con mà người ta mong muốn. Vậy nhu cầu về con hiện nay ở mỗi người dân như thế nào? Để xác định nhu cầu này, chúng tôi thử sử dụng hai khái niệm “số con lý tưởng” và “số con mong muốn” trong các cuộc nghiên cứu dân số tại các khu vực khác nhau ở nông thôn Bắc Bộ.

1. Số con lý tưởng.

Trước hết, khái niệm “số con lý tưởng” bao hàm ý nghĩa số con mà người được hỏi muốn có nếu như không có gì trở ngại trong việc thực hiện nhu cầu đó. Thế nhưng, cũng như bất cứ hiện tượng xã hội nào, nhu cầu số con lý tưởng tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh và thời gian. Cho dù không có đầy đủ các điều kiện mong muốn thì con người vẫn cứ thực hiện việc sinh ra một số con nhất định. Ở một chừng mực nào đó, số con lý tưởng phản ánh nhu cầu xác thực về con trong bản thân mỗi người. Nhu cầu về một số con xác định chỉ là một hiện tượng diễn ra vào những thời kỳ khi con người ý thức được rõ rệt cần phải có một số con cho phù hợp với điều kiện sống của họ. Vì vậy bản thân việc xác định về số con lý tưởng cũng đã phản ánh một phần nào sự thay đổi trong ý thức của từng con người trong việc có con.

Bảng 1 cho thấy rất rõ số con mà mọi người cho là lý tưởng đối với họ. Cả nam lẫn nữ ở mọi độ tuổi đều không ai chấp nhận một con làm lý tưởng cho mình. Con số hai con là lý tưởng chỉ có 14% nữ và 15,9% nam thừa nhận, tức là cũng chỉ có ngần ấy người chấp nhận mục tiêu của cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình (mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con), Tuyệt đại đa số những người được hỏi dừng lại ở số ba và bốn con, cho đó là con số lý tưởng số nữ chấp nhận bốn con là lý tưởng cao hơn số nam chấp nhận số con này) và vẫn còn một số người chấp nhận những con số cao hơn (5, 6, 7 con). Tính chung lại số con lý tưởng trung bình mà người ta muốn là như sau: (xem bảng 2)

Nét nổi bật ở bảng 2 là số con trai mà người ta cho là lý tưởng có độ ổn định rất cao. Toàn bộ những người từ 30 tuổi trở lên đều cho con số hai trai làm lý tưởng. Ở độ tuổi dưới 30, số con trai lý tưởng tuy thấp hơn những vẫn gần với con số 2. Rõ ràng, ý nghĩ phải có hai con trai để dự phòng chuyện rủi ro xảy ra thì vẫn còn lại một trai chiếm vị trí chủ đạo. Giá trị của đứa con trai không chỉ thuần túy nói lên giá trị vật chất mà còn cả giá trị tôn giáo và tinh thần. Đồng thời, có dấu hiệu (dù rằng còn yếu) về sự xích lại gần giữa nhu cầu về con trai và con gái cùng với việc xác độ tuổi giảm xuống. Có thể là khi nhu cầu về con gái giảm yếu hơn hoặc thậm chí có thể tăng lên (nếu trường hợp đối với nữ độ tuổi < 30).

Bảng 1. SỐ CON LÝ TƯỞNG THEO ĐỘ TUỔI

		1 con	2 con	3 con	4 con	5 con	6 con	7 con	Không biết
Nữ	< 30	10,1	16,1	44,0	34,0	6,0	0,0	0,0	0,0
	30 – 39	0,0	6,7	43,0	43,0	6,7	0,0	0,0	0,0
	> 40	0,0	20,0	10,0	40,0	20,0	0,0	0,0	2,0
	Tổng số	0,0	14,0	31,0	38,0	9,0	0,9	0,0	2,0
Nam	< 30	0,0	20,7	37,9	31,0	0	6,9	0,0	3,4
	30 – 39	0,0	5,4	45,9	35,1	5,4	2,7	2,7	2,7
	> 40	0,0	27,3	40,9	18,2	4,5	9,1	0,0	0,0
	Tổng số	0,0	15,9	40,0	30,7	3,4	5,7	2,2	2,2

Bảng 2. SỐ CON TRAI, CON GÁI LÝ TƯỞNG PHÂN THEO ĐỘ TUỔI

		Độ tuổi người trả lời			Tính chung
		Dưới 30	30 – 39	Trên 40	
Nữ	Trai	1,7	2	2,05	1,9
	Gái	1,6	1,3	1,25	1,4
	Tổng cộng	3,3	3,3	3,3	3,3
Nam	Trai	1,8	2,0	2,0	1,93
	Gái	1,4	1,5	1,6	1,5
	Tổng cộng	3,2	3,5	3,6	3,43

2. Số con mong muốn.

Nếu như số con lý tưởng phân nào hàm ý không tương thì nhu cầu về con muốn có đặt trong những hoàn cảnh: những điều kiện sống cụ thể. Mục đích của câu hỏi

đặt ra rất rõ: “ngay cả trong những điều kiện sống còn gặp nhiều khó khăn và các cấp chính quyền có sự quản lý chặt chẽ đối với số con mà mỗi cặp vợ chồng sinh ra thì người ta muốn có bao nhiêu con?” Bảng 3 cho thấy.

Bảng 3. SỐ CON MONG MUỐN THEO ĐỘ TUỔI

		1 con	2 con	3 con	4 con	5 con	6 con	Không ý kiến
Nữ	< 30	0	28,0	46,0	24,0	2,0	0,0	0,0
	30 – 39	0	23,3	46,7	26,7	3,3	0,0	0,0
	> 40	0	20,0	20,0	40,0	10,0	0,0	10,0
	Tính chung	0	25,0	40,0	29,0	4,0	0,0	2,0
Nam	< 30	0	37,9	51,7	3,4	0	3,4	3,4
	30 – 39	0	8,1	76,3	16,2	2,7	0	2,7
	> 40	0	27,3	50,0	22,7	0	0	0
	Tính chung	0	22,7	59,0	13,6	1,2	1,2	2,3

Như vậy khi bắt buộc mỗi người phải đặt nhu cầu về con của mình vào những điều kiện cụ thể của cuộc sống thì nhu cầu về con tập trung cao độ hơn nữa vào con số. Sức ép lớn nhất tác động vào những nhu cầu về con cao nhằm kéo chúng xuống nhu cầu có 4, 5, 6 con hạ xuống trong khi nhu cầu hai con có nhích lên rõ rệt. Nhưng cũng vẫn như trong trường hợp về số con lý tưởng, không ai mong muốn có một con cả.

Bảng 4. SỐ CON TRAI, CON GÁI MONG MUỐN PHÂN THEO ĐỘ TUỔI

		Dưới 30	30 – 39	Trên 40	Tính chung
Nữ	Trai	1,6	1,8	1,9	1,8
	Gái	1,4	1,3	1,2	1,3
	Tổng cộng	3,0	3,1	3,1	3,06
Nam	Trai	1,55	1,8	1,7	1,7
	Gái	1,03	1,2	1,3	1,2
	Tổng cộng	2,6	3,0	3,0	2,9

Bảng 4 cho thấy có sự khác biệt khá rõ rệt giữa nam giới và nữ giới trong nhu cầu về con. Đối với nữ, sự khác biệt giữa số con lý tưởng và số con mong muốn (0,24 con) nhỏ hơn nhiều so với sự khác biệt đó ở nam giới, (0,53 con). Cho dù ở nam giới quan niệm và số con lý tưởng cao hơn nữ giới, nhưng khi cần thiết vẫn có thể linh hoạt thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh hơn so với nữ giới. Điều đáng chú ý là ngay những phụ nữ dưới 30 tuổi dường như cũng bị con số 3 con ám ảnh. Trong toàn bộ các nhóm tuổi chỉ có mỗi nhóm nam giới dưới 30 tuổi là nhóm duy nhất có số con mong muốn dưới 3.

3. Kết luận.

1. Nhu cầu về con là một trong những yếu tố quyết định trực tiếp các khuynh hướng. Cơ chế quyết định tình huống có con tức là quyết định trực tiếp tới số con mà mỗi cặp vợ chồng có. Nhu cầu này có sức ý rất lớn và tốc độ thay đổi rất chậm trong một thời gian dài (có khi hàng thế hệ). Sự thay đổi cá nhân điều kiện sống tác động tới sự thay đổi các tình huống thỏa mãn nhu cầu về con nhưng không ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu đó. Vì vậy, trong bối cảnh của nông thôn miền Bắc nước ta nếu chỉ trông chờ vào tác động tự phát của sự thay đổi điều kiện sống dẫn tới sự thay đổi các nhu cầu về con và số con thực tế trong gia đình thì điều đó sẽ là không thực tế. Trong thời gian chờ đợi sự thay đổi nhu cầu về con thì dân số tăng lên làm trở ngại bất cứ sự cải thiện nào về điều kiện sống. Do đó hy vọng một sự thay đổi nhu cầu hợp lý về con sẽ không đơn giản. Ở đây, việc sử dụng nhiều biện pháp khác nhau của các cấp quản lý về nhu cầu có số con hợp lý đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

2. Qua sự trình bày trên, hai loại nhu cầu lý tưởng và mong muốn về số con thì cả hai loại nhu cầu đó ở nông thôn Bắc Bộ đều rất cao. Số con thực tế mà mỗi người phụ nữ đã lập gia đình có được (3, 4 con) về cơ bản trùng hợp với số con mà họ cho là lý tưởng (3, 43 con đối với nam giới và 3,3 đối với nữ giới). Số con mong muốn thấp hơn đáng kể so với số con lý tưởng nhưng vẫn còn cao hơn mức mà Nhà nước dự định trong kế hoạch dân số rất nhiều. Một sự tác động về nhu cầu về con theo cách thừa nhận hoặc không thừa nhận nhu cầu lý tưởng về con của mỗi người nhưng bằng mọi cách làm giảm nhu cầu con mong muốn sẽ là một cách tiếp cận thận trọng và có thể có tính hiệu quả xã hội cao. Nó đảm bảo sự tôn trọng yêu cầu tình cảm của mỗi người, đồng thời ràng buộc chặt chẽ từng người với số con muốn có. Bằng cách ấy sau một thời gian nào đó chúng ta có thể kéo số con mà người ta cho là lý tưởng thấp gần xuống tới mức số con mà họ muốn có.

3. Để chương trình kế hoạch hóa gia đình có thể thu được thắng lợi (mỗi gia đình chỉ nên có từ một đến hai con) cần phải lưu gạt bỏ các trở ngại cho việc thực hiện mục tiêu đó, tức là đảm bảo không có đứa con thứ ba. Số người muốn có con thứ ba và phần nào số người muốn có con thứ tư cho rằng con thứ ba và con thứ tư có giá trị dự phòng cho những tình huống không hay có thể xảy ra. Sự phát triển hơn nữa màng lưới y tế nông thôn. Việc nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân, cải thiện dần dần điều kiện sống ở nông thôn sẽ làm cho những bất trắc trong cuộc sống giảm xuống, giá trị của con trai và con gái được chấp nhận như nhau thì đứa con thứ ba, thứ tư để dự phòng rủi ro sẽ không đặt ra nữa. Người dân khi đó có thể thỏa mãn nhu cầu về con với mẫu hai con hoặc một con. Một khi giới tính được chấp nhận như nhau thì có hai con đã bao hàm trong đó ý nệm về sự phòng ngừa rồi.